

Báo cáo cập nhật KQKD Q2/2026 – SSI

HOSE · Công ty CP Chứng khoán SSI (SSI)

DOANH THU HOẠT ĐỘNG

3.319

tỷ đồng · **+10,9% YoY**

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.529

tỷ đồng · **+27,7% YoY**

VỐN CHỦ SỞ HỮU

40.724

tỷ đồng · **+42,4% YoY**

DƯ NỢ CHO VAY MARGIN

40.473

tỷ đồng · **+22,1% YoY**

VỐN HÓA

61.402

tỷ đồng · giá ~24.550đ

ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 2

Q2/2026, doanh thu hoạt động và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt **3.319 tỷ đồng (+11% YoY)** và **1.232 tỷ đồng (+27% YoY)**, chủ yếu nhờ mảng margin tăng trưởng tốt, trong đó dư nợ margin (bao gồm ứng trước tiền bán) cuối Q2/2026 đạt **40.473 tỷ đồng (+10% QoQ)**. Tuy vậy, mảng môi giới chịu tác động khi cạnh tranh gia tăng cùng với thanh khoản suy giảm, doanh thu môi giới & lưu ký giảm còn **478 tỷ đồng (-5% YoY)**. TCBS Research đánh giá kết quả kinh doanh trong thời gian tới nhiều khả năng sẽ tiếp tục cải thiện so với quý liền trước, song khó duy trì tốc độ tăng trưởng theo năm do mức nền so sánh cao được thiết lập trong năm 2025. Mặc dù vậy, với vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu, sở hữu tệp khách hàng tổ chức lớn cùng mô hình Global Broker, SSI được kỳ vọng sẽ là một trong những doanh nghiệp hưởng lợi đáng kể từ việc nâng hạng thị trường vào 09/2026. Hiện cổ phiếu đã điều chỉnh và được giao dịch ở mức **P/B dự phóng 1,5x**, thấp hơn trung bình dài hạn của cổ phiếu là **2,2x**.

Lợi nhuận trước thuế theo quý · tỷ đồng



% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM

Doanh thu · 6.497 / 15.660 tỷ **41,5%**

LNTT · 3.122 / 5.838 tỷ **53,5%**

VỐN CHỦ SỞ HỮU

39.668 → 40.724 tỷ đồng

+2,7% QoQ (Q1→Q2/2026)

DƯ NỢ CHO VAY MARGIN

36.928 → 40.473 tỷ đồng

+9,6% QoQ (Q1→Q2/2026) · mức cao nhất

ĐIỂM NHẤN

+31,6% Cho vay margin dẫn dắt
YoY 1.092 tỷ đồng · dư nợ kỷ lục 40.473 tỷ (+22,1% YoY)

-20,1% Chi phí hoạt động giảm mạnh
YoY 892 tỷ đồng · CIR quý xuống 17,1%, TTM còn 20,8%

+39,1% Lũy kế 6 tháng vượt nửa kế hoạch
YoY LNTT 3.122 tỷ đồng · hoàn thành 53,5% kế hoạch năm

CẦN THEO DÕI

+31,2% Chi phí lãi vay tăng cao
YoY 812 tỷ đồng · chi phí vốn bình quân lên 6,1%/năm

-0,3% Tự doanh đi ngang
YoY 1.567 tỷ đồng · vẫn chiếm 47,2% doanh thu hoạt động

-4,8% Môi giới thu hẹp
YoY 478 tỷ đồng · biên góp về 25,1% từ 27,5%

TRIỂN VỌNG NỬA CUỐI 2026

Lũy kế 6T/2026, SSI đạt doanh thu hoạt động **6.497 tỷ đồng (+26,1% YoY)**, LNTT **3.122 tỷ đồng (+39,1% YoY)** và LNST **2.510 tỷ đồng (+38,5% YoY)**, hoàn thành lần lượt **41,5%** kế hoạch doanh thu và **53,5%** kế hoạch lợi nhuận năm. Triển vọng nửa cuối năm được hỗ trợ bởi dư địa tăng trưởng từ hoạt động cho vay margin khi tỷ lệ margin/VCSH mới ở **1,0x**, trong khi danh mục tài sản thu nhập cố định quy mô lớn tiếp tục tạo nguồn thu ổn định và ít nhạy cảm hơn với biến động của thị trường chứng khoán. Cho cả năm 2026, chúng tôi dự phóng doanh thu hoạt động đạt khoảng **15.646 tỷ đồng (+21,0% YoY)**, LNST khoảng **5.039 tỷ đồng (+22,7% YoY)** và ROE ở mức **13,9%**. Rủi ro cần theo dõi là chi phí vốn gia tăng khi lãi suất huy động bình quân tăng từ 4,3% lên **6,1%/năm** trong bốn quý gần đây, làm thu hẹp chênh lệch với lãi suất cho vay margin.

DỰ PHÓNG CẢ NĂM 2026

DOANH THU HOẠT ĐỘNG

15.646

tỷ đồng · **+21,0% YoY**

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

5.039

tỷ đồng · **+22,7% YoY**

DƯ NỢ CHO VAY MARGIN

42.937

tỷ đồng · **+10,3% YoY**

P/B FORWARD

1,5

lần · 2026F

P/E FORWARD

12,2

lần · 2026F

1. Đánh giá của TCBS

TCBS Research đánh giá KQKD Q2/2026 của SSI **tích cực**, với tăng trưởng lợi nhuận vượt trội so với doanh thu nhờ cải thiện hiệu quả chi phí. Doanh thu hoạt động đạt **3.319 tỷ đồng (+10,9% YoY; +4,4% QoQ)**, trong khi LNTT và LNST lần lượt đạt **1.529 tỷ đồng (+27,7% YoY)** và **1.232 tỷ đồng (+27,3% YoY)** nhờ chi phí hoạt động giảm **20,1% YoY** xuống 892 tỷ đồng. **Cho vay margin** tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với doanh thu 1.092 tỷ đồng (+31,6% YoY) trên nền dư nợ kỷ lục 40.473 tỷ đồng. Trong khi đó, **tự doanh** ghi nhận doanh thu 1.567 tỷ đồng (-0,3% YoY) nhưng lợi nhuận gộp tăng **25,3% YoY** lên 1.094 tỷ đồng nhờ khoản lỗ từ hoạt động tự doanh thu hẹp từ 698 tỷ đồng xuống 472 tỷ đồng. Hai mảng này đóng góp **80,1%** doanh thu hoạt động, trong khi tỷ trọng môi giới & lưu ký giảm xuống **14,4%**.

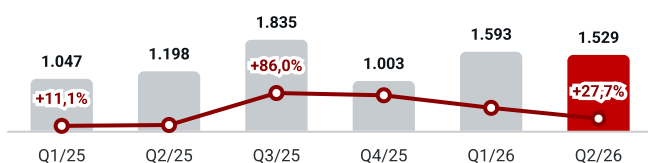
Về nền tảng vốn, đợt tăng vốn hoàn tất trong Q1/2026 đã nâng vốn điều lệ lên **25.031 tỷ đồng** và vốn chủ sở hữu lên **40.724 tỷ đồng (+42,4% YoY)**, qua đó cải thiện các chỉ tiêu an toàn tài chính với tỷ lệ **margin/VCSH** giảm về **1,0x** (từ 1,2x cùng kỳ và 1,3x tại Q3/2025) và **nợ vay/VCSH** giảm còn **1,3x** (từ 2,1x), dù dư nợ margin vẫn duy trì mức kỷ lục. Tuy nhiên, áp lực chi phí vốn tiếp tục gia tăng khi chi phí lãi vay tăng **31,2% YoY** lên **812 tỷ đồng**, kéo chi phí vốn bình quân quy đổi năm lên **6,1%/năm** từ 4,3% cùng kỳ. Trong khi đó, lãi suất cho vay margin chỉ tăng từ 11,0% lên 11,3%, khiến biên lãi từ hoạt động cho vay margin thu hẹp. Ở chiều ngược lại, doanh thu môi giới & lưu ký giảm **4,8% YoY** xuống **478 tỷ đồng** dù thị phần HOSE duy trì ở mức **11,17%**, phản ánh thanh khoản thị trường thấp hơn và mức phí môi giới bình quân suy giảm.

ĐIỂM CHÍNH

- 01 Cho vay margin tiếp tục là động lực tăng trưởng** – Doanh thu đạt 1.092 tỷ đồng (+31,6% YoY) trên nền dư nợ kỷ lục 40.473 tỷ đồng (+22,1% YoY; +9,6% QoQ). Lãi suất cho vay bình quân duy trì ở 11,3%/năm, gần như ổn định trong sáu quý gần đây.
- 02 Hiệu quả hoạt động cải thiện hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận** – Chi phí hoạt động giảm 20,1% YoY xuống 892 tỷ đồng, chủ yếu nhờ khoản lỗ từ hoạt động tự doanh thu hẹp 32,3% YoY. Nhờ đó, CIR quý giảm xuống 17,1% và CIR lũy kế 12 tháng còn 20,8%, cải thiện từ 24,8% cùng kỳ.
- 03 Nền tảng vốn tiếp tục được củng cố** – Vốn chủ sở hữu đạt 40.724 tỷ đồng (+42,4% YoY), đưa tỷ lệ margin/VCSH về 1,0x, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 2,0x theo quy định. Đồng thời, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm còn 1,3x (từ 2,1x cùng kỳ), tạo nền tảng tài chính vững chắc cho hoạt động kinh doanh.
- 04 Áp lực chi phí vốn và cơ cấu doanh thu cần theo dõi** – Chi phí vốn bình quân tăng từ 4,3% lên 6,1%/năm trong bốn quý gần đây, nhanh hơn mức tăng của lãi suất cho vay margin, gây áp lực lên biên lãi. Bên cạnh đó, tự doanh vẫn đóng góp 47,2% doanh thu hoạt động trong khi doanh thu môi giới giảm 4,8% YoY, kéo biên lợi nhuận gộp của mảng này xuống 25,1%.

Lợi nhuận trước thuế theo quý

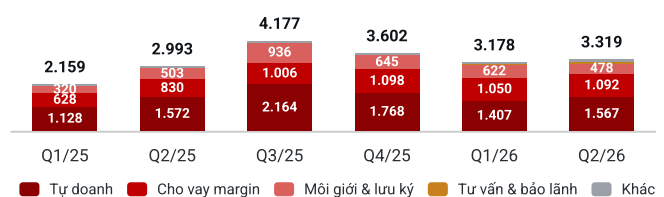
Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

Cơ cấu doanh thu hoạt động theo quý

Tỷ đồng · theo 5 mảng kinh doanh



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

2. Phân tích các chỉ số tài chính

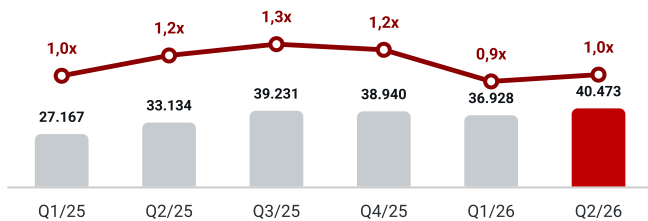
2.1. Cho vay margin & tăng vốn

Dư nợ lập kỷ lục nhưng đòn bẩy giảm: nền vốn đang đi trước tốc độ tăng trưởng cho vay. Dư nợ margin đạt **40.473 tỷ đồng** tại cuối Q2/2026 (+9,6% QoQ; +22,1% YoY), mang về **1.092 tỷ đồng** doanh thu (+31,6% YoY) và trở thành mảng đóng góp lớn thứ hai sau tự doanh, chiếm 32,9% doanh thu hoạt động.

- **Lãi suất cho vay duy trì ổn định** — Lãi suất cho vay margin bình quân quy đổi năm đạt 11,3%/năm, dao động trong vùng 10,2–11,3% suốt sáu quý gần đây, cho thấy SSI vẫn duy trì được mặt bằng lãi suất cho vay dù quy mô dư nợ tiếp tục mở rộng.
- **Nền vốn được củng cố** — Vốn chủ sở hữu tăng lên 40.724 tỷ đồng (+42,4% YoY), đưa tỷ lệ margin/VCSH từ đỉnh 1,3x (Q3/2025) về 1,0x dù dư nợ margin đạt mức kỷ lục. Với giới hạn cho vay tối đa bằng 2 lần vốn chủ sở hữu, dư nợ hiện mới tương đương khoảng 50% hạn mức lý thuyết.
- **Biên lãi chịu áp lực từ chi phí vốn** — Chi phí vốn bình quân tăng từ 4,3% lên 6,1%/năm, trong khi lãi suất cho vay margin chỉ tăng từ 11,0% lên 11,3%, khiến chênh lệch lãi suất thu hẹp từ 6,7 xuống 5,2 điểm %.

■ Dư nợ margin & đòn bẩy margin/VCSH

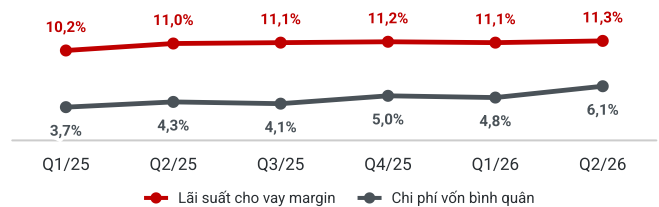
Cột: tỷ đồng · đường: lần



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

■ Lãi suất cho vay margin & chi phí vốn

% · bình quân quý, quy đổi năm



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

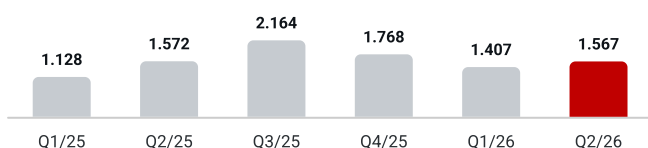
2.2. Tự doanh & danh mục đầu tư

Danh mục tự doanh thiên về tài sản thu nhập cố định, qua đó giảm mức độ nhạy cảm với biến động của thị trường cổ phiếu. Cổ phiếu chỉ chiếm **5,0%** danh mục FVTPL trị giá 44.114 tỷ đồng tại cuối Q2/2026. Doanh thu tự doanh đạt **1.567 tỷ đồng** (-0,3% YoY), trong khi lợi nhuận gộp tăng lên **1.094 tỷ đồng** (+25,3% YoY) nhờ khoản lỗ từ hoạt động tự doanh giảm xuống **472 tỷ đồng** (-32,3% YoY).

- **Danh mục tập trung vào tài sản thu nhập cố định** — Công cụ thị trường tiền tệ chiếm 27.180 tỷ đồng (61,6%) và trái phiếu 14.720 tỷ đồng (33,4%), trong khi cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết chỉ chiếm 2.214 tỷ đồng (5,0%).
- **Nguồn thu chủ yếu đến từ lãi và hiện thực hóa lợi nhuận** — Cổ tức và tiền lãi đạt 597 tỷ đồng, lãi bán tài sản tài chính đạt 373 tỷ đồng (so với 95 tỷ đồng cùng kỳ), trong khi lãi đánh giá lại ròng chỉ ở mức 7 tỷ đồng. Lợi nhuận cải thiện chủ yếu nhờ lỗ bán tài sản tài chính thu hẹp từ 569 tỷ đồng xuống 282 tỷ đồng.
- **Quy mô danh mục tiếp tục phục hồi** — Giá trị FVTPL tăng 4,0% QoQ lên 44.114 tỷ đồng, dù vẫn thấp hơn 3,3% YoY. Trong khi đó, danh mục HTM đạt 4.516 tỷ đồng và AFS đạt 691 tỷ đồng.

■ Doanh thu tự doanh theo quý

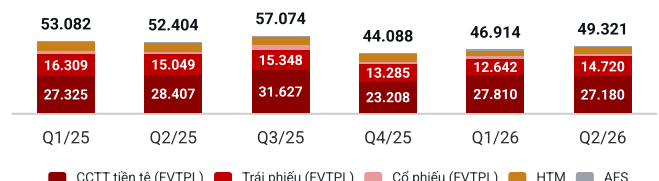
Tỷ đồng



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

■ Cơ cấu danh mục đầu tư

Tỷ đồng · số trên cột = tổng FVTPL + HTM + AFS



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

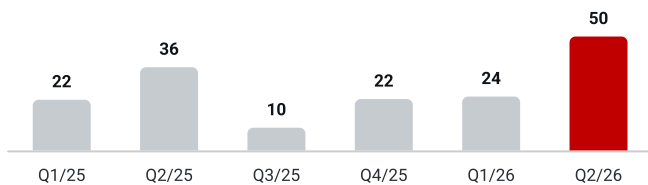
2.3. Tư vấn, bảo lãnh phát hành & nguồn thu khác

Hai mảng có quy mô nhỏ nhất ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất, nhưng chưa tạo tác động đáng kể đến cơ cấu lợi nhuận. Doanh thu tư vấn & bảo lãnh phát hành đạt **50 tỷ đồng (+36,9% YoY)**, mức cao nhất trong sáu quý, trong khi doanh thu khác đạt **132 tỷ đồng (+150,9% YoY)**. Hai mảng này đóng góp **5,5%** doanh thu hoạt động, tăng từ 3,0% cùng kỳ.

- **Mảng IB phục hồi từ nền thấp** — Doanh thu tư vấn & bảo lãnh phát hành tăng từ 24 tỷ đồng trong Q1/2026 lên 50 tỷ đồng, phản ánh sự cải thiện của hoạt động giao dịch trên thị trường vốn. Trong 6T/2026, giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 212.700 tỷ đồng, trong đó phát hành riêng lẻ chiếm 187.900 tỷ đồng.
- **Doanh thu khác tăng mạnh** — Đạt 132 tỷ đồng, tăng 150,9% YoY và là mức cao nhất trong sáu quý, qua đó bù đắp một phần sự suy giảm của mảng môi giới.
- **Đóng góp còn khiêm tốn** — Với tỷ trọng lần lượt 1,5% và 4,0% doanh thu hoạt động, hai mảng này chưa đủ lớn để thay đổi cơ cấu lợi nhuận vốn vẫn tập trung ở cho vay margin và tự doanh. Bên cạnh đó, nguồn thu từ IB mang tính thương vụ, nên có thể biến động đáng kể giữa các quý.

DT tư vấn & bảo lãnh phát hành

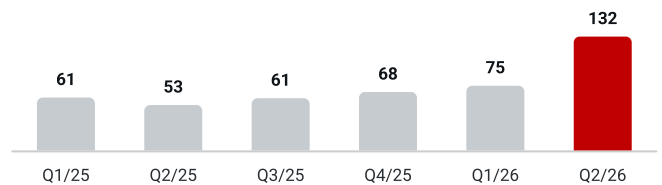
Tỷ đồng · theo quý



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

Doanh thu khác theo quý

Tỷ đồng



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

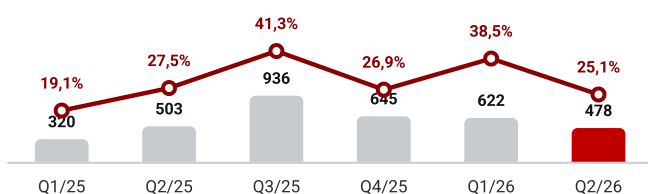
2.4. Môi giới & áp lực cạnh tranh phí

Mảng môi giới chịu áp lực từ thanh khoản thị trường và cạnh tranh gia tăng. Doanh thu môi giới & lưu ký giảm **4,8% YoY** xuống **478 tỷ đồng**, dù thị phần môi giới HOSE của SSI duy trì ở mức **11,17%**, gần như đi ngang so với quý trước và tiếp tục đứng thứ hai thị trường.

- **Thị phần duy trì ổn định** — Sau khi đạt đỉnh 12,50% tại Q4/2025, thị phần môi giới của SSI duy trì quanh 11,1–11,2% trong nửa đầu năm 2026, phản ánh vị thế cạnh tranh vẫn được giữ vững.
- **Doanh thu giảm theo thanh khoản thị trường** — Doanh thu môi giới & lưu ký giảm từ 936 tỷ đồng tại Q3/2025 xuống 478 tỷ đồng, khiến tỷ trọng đóng góp vào doanh thu hoạt động thu hẹp từ 22,4% xuống 14,4%, phản ánh thanh khoản giao dịch suy giảm so với giai đoạn cao điểm năm 2025.
- **Biên lợi nhuận tiếp tục chịu áp lực** — Chi phí môi giới đạt 358 tỷ đồng, chỉ giảm 1,7% YoY, thấp hơn mức giảm của doanh thu, kéo biên lợi nhuận gộp từ 27,5% xuống 25,1%. Bên cạnh thanh khoản suy yếu, áp lực cạnh tranh về phí giao dịch và giành thị phần giữa các CTCK nhiều khả năng sẽ tiếp tục hạn chế khả năng cải thiện biên lợi nhuận của mảng môi giới.

Doanh thu môi giới & biên lãi gộp

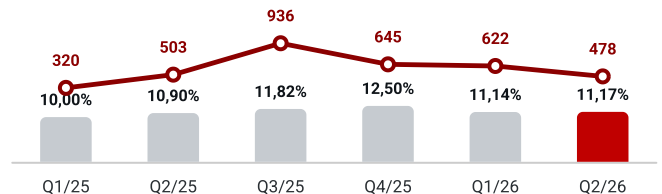
Cột: tỷ đồng · đường: biên gộp (%)



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

Thị phần môi giới HOSE & doanh thu môi giới

Cột: thị phần HOSE (%) · đường: DT môi giới & lưu ký (tỷ đồng)



Nguồn: HOSE, TCBS tổng hợp

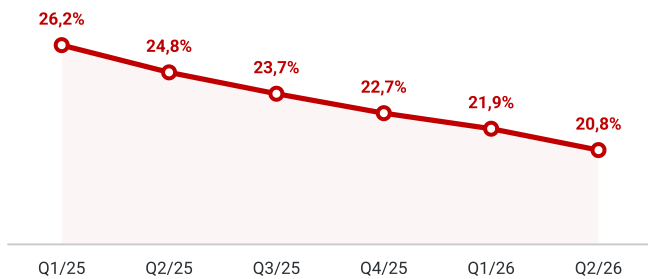
2.5. Hiệu quả chi phí & khả năng sinh lời

Hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện, nhưng ROE chịu áp lực từ nền vốn mở rộng. CIR lũy kế 12 tháng giảm còn 20,8%, từ 26,2% tại Q1/2025, trong khi ROE lũy kế 12 tháng ở mức 11,8%, thấp hơn 12,8% cuối năm 2025.

- **Hiệu quả hoạt động cải thiện rõ nét** — CIR quý giảm xuống 17,1% từ 21,4% cùng kỳ, phản ánh tốc độ tăng của doanh thu hoạt động vượt chi phí hoạt động.
- **Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng** — LNST lũy kế 12 tháng đạt 4.805 tỷ đồng, tăng 57,8% so với 3.044 tỷ đồng tại Q2/2025.
- **ROE giảm do vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn lợi nhuận** — Vốn chủ sở hữu tăng 42,4% YoY, vượt tốc độ gia tăng của lợi nhuận, khiến ROE lũy kế 12 tháng giảm còn 11,8% dù lợi nhuận tiếp tục mở rộng.

■ CIR lũy kế 12 tháng

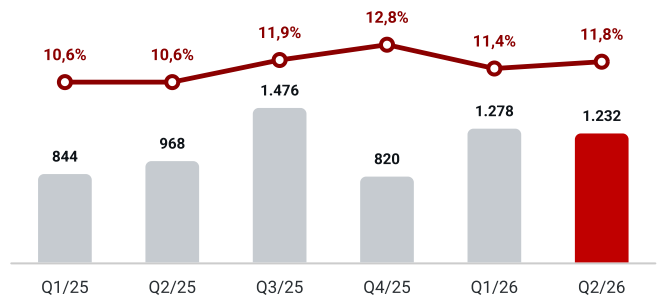
% · chi phí (ngoài tự doanh) / thu nhập HĐ thuần



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

■ LNST & ROE lũy kế 12 tháng

Cột: tỷ đồng · đường: %



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

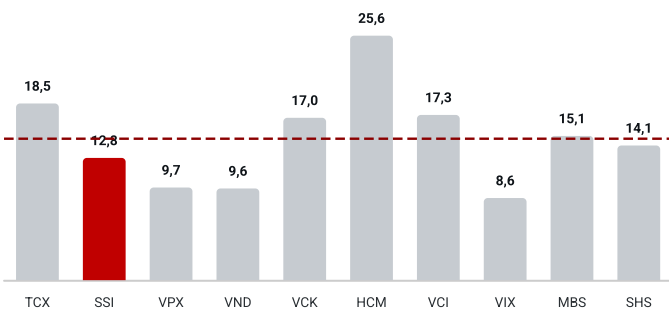
2.6. Định giá và so sánh

SSI đang giao dịch dưới mặt bằng định giá của nhóm đầu ngành. Cổ phiếu hiện giao dịch ở P/E 12,8 lần và P/B 1,5 lần, thấp hơn mức bình quân 14,8 lần và 1,7 lần của nhóm 10 CTCK lớn nhất, trong khi ROE lũy kế 12 tháng đạt 13,9%.

- **Duy trì vị thế dẫn đầu về quy mô** — Tổng tài sản đạt 96.461 tỷ đồng, đứng thứ hai toàn ngành.
- **Định giá P/E ở mức chiết khấu** — P/E 12,8 lần, thấp hơn đáng kể so với mặt bằng của nhóm các CTCK dẫn đầu.
- **P/B thấp hơn nhóm cùng ngành** — P/B 1,5 lần với ROE 13,9%, cho thấy SSI đang được giao dịch ở mức định giá thấp hơn so với các CTCK đầu ngành.

■ P/E — Top 10 CTCK theo tổng tài sản

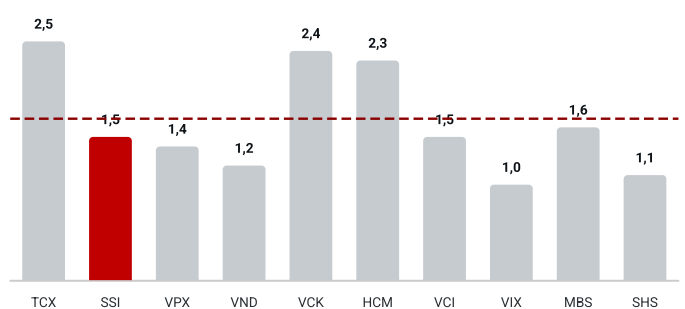
Lần · đường nét đứt: bình quân nhóm ~14,8



Nguồn: TCBS tính toán

■ P/B — Top 10 CTCK theo tổng tài sản

Lần · đường nét đứt: bình quân nhóm ~1,7



Nguồn: TCBS tính toán

3. Phụ lục – Số liệu BCTC Q2/2026

Trích lược BCĐKT phân loại & KQKD theo mảng · đơn vị: tỷ đồng

Bảng cân đối kế toán phân loại (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25	Q1/26	Q2/26
Tiền & tương đương tiền	117	2.749	254	3.646	919	532
Đầu tư ngắn hạn (FVTPL+HTM+AFS)	53.082	52.404	57.074	44.088	46.914	49.321
• Tài sản FVTPL	46.345	45.619	50.405	38.258	42.429	44.114
• Nắm giữ đến đáo hạn (HTM)	6.156	6.197	6.105	5.231	3.732	4.516
• Sẵn sàng để bán (AFS)	581	588	564	599	753	691
Đầu tư dài hạn	1.125	633	605	2.972	3.018	3.065
Cho vay margin	27.167	33.134	39.231	38.940	36.928	40.473
Phải thu	892	1.036	1.539	2.517	3.394	1.132
Tài sản cố định	800	892	876	949	971	996
Tài sản khác	860	1.136	1.132	938	970	943
TỔNG TÀI SẢN	84.044	91.984	100.712	94.050	93.114	96.461
Nợ vay & trái phiếu ngắn hạn	55.247	61.250	65.419	60.160	51.966	54.038
Nợ phải trả khác	1.094	2.128	4.037	1.823	1.480	1.698
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	56.340	63.378	69.456	61.984	53.446	55.737
Vốn điều lệ	19.639	19.739	20.779	20.779	24.931	25.031
LN giữ lại & các quỹ	6.703	7.537	6.913	7.740	9.022	10.007
Vốn khác	1.361	1.330	3.563	3.547	5.715	5.686
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	27.703	28.606	31.256	32.066	39.668	40.724

Kết quả kinh doanh theo mảng (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25	Q1/26	Q2/26
DT tự doanh	1.128	1.572	2.164	1.768	1.407	1.567
DT cho vay margin	628	830	1.006	1.098	1.050	1.092
DT môi giới & lưu ký	320	503	936	645	622	478
DT tư vấn & bảo lãnh (IB)	22	36	10	22	24	50
DT khác	61	53	61	68	75	132
Tổng doanh thu hoạt động	2.159	2.993	4.177	3.602	3.178	3.319
Chi phí hoạt động	(625)	(1.117)	(1.615)	(1.750)	(898)	(892)
Lãi gộp hoạt động	1.534	1.876	2.562	1.852	2.280	2.426
Doanh thu tài chính	33	36	35	78	117	38
Chi phí tài chính (gồm lãi vay)	(469)	(642)	(698)	(859)	(754)	(868)
Chi phí quản lý	(53)	(72)	(64)	(72)	(48)	(67)
Thu nhập/(chi phí) khác ròng	2	0	(0)	4	(2)	0
Lợi nhuận trước thuế	1.047	1.198	1.835	1.003	1.593	1.529
Lợi nhuận sau thuế	844	968	1.476	820	1.278	1.232

Nguồn: FiinX, SSI, TCBS tổng hợp và tính toán

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.